

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.
2. Bà Võ Thị Hương Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đực – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2017, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Văn M, sinh năm 1983, có mặt.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Bạch V, sinh năm 1987, có mặt.
3. Người làm chứng: Bà Trương Thị S, sinh năm 1951, có mặt.

Ông Dương Thanh B, sinh năm 1946, có mặt.

Bà Phạm Thị M, sinh năm 1951, có mặt.

Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1989, vắng mặt.

Tất cả cùng địa chỉ cư trú: ấp T2, xã TTT, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2017 và trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Dương Văn M, trình bày: Anh và chị V cưới nhau vào năm 2005, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTT. Hôn nhân do mai mối nhưng anh cũng đồng ý kết hôn cùng chị V.

Sau khi cưới anh và chị V sống cùng gia đình anh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị V thường xuyên sử dụng điện thoại như nhắn tin, chụp hình với người phụ nữ khác, anh không đồng ý nên có lần lấy điện thoại của chị V chọi xuống sông, lúc còn chung sống với chị V thì anh có cờ bạc nhưng sau đó anh đã nghỉ chơi. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Anh và chị V không còn sống chung từ năm 2015 đến nay, nhiều lần anh gọi điện thoại kêu chị V về nhưng chị V về nhà được vài ngày thì lại lấy đồ đi tiếp. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh yêu cầu được ly hôn với vợ là chị Nguyễn Bạch V.

Bị đơn, chị Nguyễn Bạch V, trình bày: Chị và anh M cưới nhau vào ngày 19/6/2004 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTT. Hôn nhân do mai mối nhưng chị cũng đồng ý kết hôn với anh M. Sau khi cưới chị và anh M sống cùng gia đình anh M, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2007 thì không còn hạnh phúc nữa. Vì anh M thường xuyên cờ bạc, gia đình chồng khá giả không cho anh M đi làm kiếm tiền, anh M còn nói xấu chị. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh M không còn sống chung từ đầu năm 2015 đến nay, anh M có gọi điện thoại kêu chị về nhưng chị nhận thấy sống với anh M thêm khổ nên chị không về, anh M nói với chị nếu không về thì ly hôn. Nay anh M yêu cầu ly hôn chị thống nhất ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

Nguyên đơn anh Dương Văn M trình bày: Anh và chị V chung sống với nhau có hai con chung, con trai Dương N, sinh ngày 05/4/2006 và con trai Dương T, sinh ngày 07/6/2011. Hiện hai con chung sống cùng ông bà nội và bà ngoại từ khi anh và chị V không còn sống chung từ năm 2015 đến nay, vì nhà cha mẹ ruột anh đối diện với nhà mẹ vợ nên hai con chung thường xuyên qua lại, muốn ở nhà ngoại thì ở, muốn ở nhà nội thì ở. Anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương T và thống nhất giao con chung Dương N cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh không thống nhất giao con chung Dương T cho chị V nuôi dưỡng. Vì chị V nuôi dưỡng con không tốt, thường xuyên bỏ con ở nhà cho mẹ ruột nuôi dưỡng, mẹ vợ thì la rầy con anh không được. Khi làm đơn khởi kiện thì anh đang làm công nhân ở Công ty Kèm Nghĩa tại thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện tại thì anh đã về quê phụ cha mẹ làm kinh tế, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân thì mỗi tháng anh còn lại 4.000.000đ đến 5.000.000đ. Khi đi làm ở thành phố thì khoảng 1-2 tháng anh có gởi tiền về quê khoảng 4.000.000đ để mẹ ruột anh lo cho hai con, tiền trường của cháu N là do anh đóng. Ngoài ra, cha mẹ anh còn cho anh hơn 25 công đất ruộng, 36 công đất rừng ở Kiên Giang. Hiện đất ruộng khoảng 2,8 công anh cho anh ruột Dương Hòa N thuê mỗi năm khoảng 3.000.000đ, còn đất ruộng, đất rừng còn lại thì do cha anh tên Dương Thanh B đang quản lý và cho người khác thuê.

Bị đơn chị Nguyễn Bạch V, trình bày: Chị thống nhất những gì anh M trình bày về con chung. Chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung Dương N và không đồng ý giao con chung Dương T cho anh M nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Dương T và tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi hai

con chung. Lý do chị không đồng ý giao con chung cho anh M nuôi dưỡng vì từ nhỏ đến lớn hai con chung đều sống với chị và mẹ ruột chị, 02 năm qua một mình chị gởi tiền về quê nuôi con. Hiện chị đang kinh doanh tự do như may đồ, cho thuê áo cưới và chụp hình cưới trừ chi phí sinh hoạt cá nhân thì mỗi tháng chị thu nhập được 10.000.000đ, mỗi tháng chị đều gởi tiền về quê 5.000.000đ để mẹ chị nuôi con, việc chị gởi tiền về quê thì có chị Nguyễn Thị Thúy H biết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Dương Văn M và chị Nguyễn Bạch V, thống nhất trình bày: Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Tại các biên bản lấy lời khai cùng ngày 12/4/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm:

Người làm chứng ông Dương Thanh B và bà Trương Thị S trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của anh Dương Văn M thời gian đầu anh M cờ bạc nên vợ giận bỏ đi, anh M có gọi điện nhiều lần kêu về nhưng chị V không về. Khoảng 1-2 tháng anh M có gởi 3.000.000đ – 4.000.000đ cho ông bà để nuôi con anh M. Bà S bị bệnh tai biến đến nay đã hơn một năm nên tay chân bị yếu, còn ông B thì chăn nuôi bò, hiện tại tất cả tài sản của ông bà thì do ông bà quản lý chưa có chia cho các con. Hai cháu nội thì ăn uống, tắm rửa do bà ngoại lo, cháu N đã lớn nên tự chạy xe đi học, còn cháu T thì trường học ở gần nhà nên có thể tự đi, có món ngon thì bà cũng cho cháu nội.

Người làm chứng bà Phạm Thị M trình bày: Bà là mẹ ruột của chị Nguyễn Bạch V, nhà bà đối diện với nhà ông B, bà S khi anh M, chị V còn sống chung hai cháu ngoại sống với bà từ nhỏ cho đến nay. Hàng tháng chị V gởi tiền về quê thông qua chị H làm tại bưu điện huyện H mang về cho bà, cũng có lúc chị V đưa tiền trực tiếp cho bà. Ngoài ra hàng tháng con gái út của bà đều gởi tiền cho bà xài. Nhà của anh M thì chỉ có ông B, bà S ở, bà S thì đang bị bệnh tai biến, ông B thì đang chăn nuôi bò có thể chăm sóc cháu không tốt và không có sức khỏe còn bà thì không có đi làm nên có thời gian và có sức khỏe đủ khả năng chăm sóc hai cháu, khi nào hai cháu ngoại lớn lên thì muốn sống với ai thì sống. Khi cháu T đi học thì bà đưa đón. Mâu thuẫn của vợ chồng anh M là do anh M cờ bạc, ăn chơi không lo làm ăn.

Tại bản khai ngày 12/4/2017 người làm chứng chị Nguyễn Thị Thúy H, trình bày: Chị đang công tác tại Bưu điện huyện H nên chị V có nhờ chị nhận tiền gởi về cho mẹ chị V để nuôi con nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể như thế nào mà chỉ nhớ chị V gởi tiền về hàng tháng không như nhau, có tháng 2.500.000đ, 3.000.000đ, 4.000.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa

anh Dương Văn M và chị Nguyễn Bạch V. Về con chung giao hai con chung cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Dương Văn M có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện H giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh và chị Nguyễn Bạch V được quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Thúy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt nhưng người làm chứng đã có lời khai với Tòa án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Dương Văn M và chị Nguyễn Bạch V được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTT được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, anh M, chị V đều thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn và đã không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng cũng có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm được. Tòa án đã hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh M, chị V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh M yêu cầu được ly hôn và chị V cũng thống nhất ly hôn. Việc thỏa thuận tình ly hôn giữa anh M và chị V là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung:

Đối với con chung Dương N, sinh ngày 05/4/2006 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh M, chị V đã thỏa thuận với nhau, anh M thống nhất giao con chung N cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng. Xét việc thỏa thuận giữa đương sự là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N muốn sống với chị V nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với con chung Dương T, sinh ngày 07/6/2011, anh M chị V đều yêu cầu được nuôi dưỡng. Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh M chưa có căn cứ để chấp nhận. Vì, khi đi làm tại Công ty Kèm Nghĩa thì 1-2 tháng anh M mới gửi tiền về cho mẹ ruột là bà Trương Thị S để nuôi hai con chung, còn hiện tại thì anh đã nghỉ làm về quê phụ cha mẹ làm kinh tế, tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2017 bà S trình bày thì ăn uống, tắm rửa thì bà ngoại lo, hiện tại bà bị tai biến, có món ngon thì bà cho cháu nội ăn, còn tài sản, kinh tế trong gia đình thì do vợ chồng bà quản lý. Ngược lại hàng tháng chị V đều gửi tiền cho mẹ ruột là bà Phạm

Thị M để nuôi dưỡng hai con chung và phù hợp với lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị Thúy H. Đồng thời, sức khỏe của bà S hiện không được tốt có thể không phụ giúp anh M chăm sóc cháu T tốt hơn trong khi cháu T hiện được 06 tuổi cần phải có người trực tiếp thường xuyên trông nom, chăm sóc cũng như đưa đón khi đi học, sinh hoạt cá nhân khi anh M, chị V đi làm, tuy chị V đi làm nhưng bà M đã phụ giúp chị chăm sóc cháu N, cháu T ổn định từ khi chị V và anh M không còn sống chung đầu năm 2015 cho đến nay. Ngoài ra, cần tạo điều kiện cho cháu N, cháu T sống gần nhau do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên giao con chung Dương T cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V tự nguyện không yêu cầu.

Về quyền thăm nom con chung: Anh Dương Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M và chị V trình bày đều không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Buộc nguyên đơn anh Dương Văn M chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn. Bị đơn chị Nguyễn Bạch V không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa anh Dương Văn M và chị Nguyễn Bạch V.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Dương Văn M và chị Nguyễn Bạch V. Chị Nguyễn Bạch V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương N, sinh ngày 05/4/2006.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu của anh Dương Văn M, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Dương T, sinh ngày 07/6/2011.

2.3 Giao con chung Dương T, sinh ngày 07/6/2011 cho chị Nguyễn Bạch V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.4 Anh Dương Văn M không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung do chị V tự nguyện không yêu cầu. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Văn M chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 00848 ngày 24/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2017).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thùy Dung